

LÀM THẾ NÀO ĐƯA CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG VÀO GIỜ DẠY?

TRẦN VĂN DŨNG

Sở Giáo dục & Đào tạo Thừa Thiên Huế

Hình tượng giáo viên (GV) là một “kĩ sư tâm hồn” thực ra không chỉ tôn vinh vai trò của nhà giáo mà còn đề cao khía cạnh “kĩ thuật” của nghề dạy học. Trước khi tác nghiệp, GV phải nghiên cứu nội dung tri thức, đối tượng học sinh (HS), tìm phương án thích hợp để thiết kế “bản vẽ”. Sau đó, tổ chức tiết học, hướng dẫn các em sử dụng kiến thức, huy động những kinh nghiệm, kĩ năng làm nguồn công cụ “thi công” nội dung thiết kế trong giáo án; giúp HS lĩnh hội kiến thức, hình thành những kĩ năng mới; qua đó đào tạo họ thành những công dân tương lai của xã hội.

Chính từ quan niệm này ngày nay các nhà xã hội học xem giáo dục là một ngành công nghệ mà đối tượng là “con người” (1). Nhà đào tạo biến “con người” trở thành những “chủ-thể-xã-hội” từ nguồn vật liệu cơ bản là hệ thống tri thức. Vì vậy, muốn tạo ra mẫu công dân theo đơn đặt hàng của xã hội, họ phải nắm vững các nguyên lí dạy học; ứng dụng các phương pháp, kĩ thuật, quy trình công nghệ đào tạo để lập trình kế hoạch, tổ chức chuyển hóa hệ thống tri thức bên ngoài vào chủ thể HS, biến chúng thành kiến thức, kĩ năng; hình thành các năng lực chuyên môn, năng lực đa ngành; thông qua con đường dạy học để rèn luyện các kĩ năng sống, hình thành nhân cách, thế giới quan và nhân sinh quan của cộng đồng. Riêng trong dạy học, việc *chuyển hóa thông tin* trên phải theo một *quy trình tâm lí dạy học* “thao tác trí tuệ” (2) tương ứng với các bậc năng lực tư duy của Bloom (3): Khởi đầu từ trực quan, HS quan sát *thông tin*, nhận thức ra nó; tìm hiểu bản chất, biến đổi thành *kiến thức*. Rồi bằng tư duy trừu tượng, các em hiểu, đưa vào trong kí ức biến thành *khái niệm*, tái hiện vận dụng nhiều lần để củng cố, hình thành *khả năng thực hành*. Tiếp đến, các em phân tích cấu trúc *khái niệm*, *tổng hợp* nhiều khả năng, rèn luyện *kĩ năng*

chuyên ngành. Sau đó, tái đầu tư tổng hợp các kĩ năng này, cùng với kĩ năng sống nâng cao thành *các kĩ năng đa ngành*. Từ đó, các em biết đánh giá sự vật/hiện tượng, từng bước phát triển tư duy và *năng lực sáng tạo*, phát huy *sáng kiến*, tạo ra những sản phẩm trí tuệ riêng.

Để giúp HS thực hiện quy trình chuyển hóa này, ngoài việc đầu tư soạn *giáo án kĩ năng và phiếu HS*, GV còn phải biết giải quyết hài hòa *mối quan hệ tương tác ba chiều* giữa người dạy, người học và tri thức thông qua các hoạt động dạy học (4). Dạy học trên lớp theo kĩ năng đòi hỏi GV phải thực hiện nhiều nhiệm vụ: 1/ Phải biết tổ chức, điều phối các hoạt động học tập đa dạng; 2/ Giao việc, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra HS thực hiện từng thao tác cụ thể; 3/ Điều chỉnh sai sót, bổ khuyết, hỗ trợ các em hoàn thành từng nhiệm vụ được giao, tự chuyển hóa thông tin lên từng cấp độ tương xứng với mỗi hoạt động. Để làm được điều này, khi lên lớp GV phải tuân thủ chu trình kĩ thuật *tổ chức việc làm* (5), tạo ra sự phối kết nhịp nhàng hoạt động giữa GV – HS và giữa HS với nhau làm sao đến cuối mỗi hoạt động phải hoàn tất một nhiệm vụ cụ thể, cho ra một sản phẩm tương ứng đo lường/thẩm định được. Theo chu trình kĩ thuật này, chúng ta có 6 giai đoạn cơ bản:

- *Giai đoạn 1 - Khởi động*: GV tổ chức gợi nhớ khái niệm cũ, chuẩn bị tiếp cận bài mới (hoạt động 1). HS tái hiện kiến thức, hoặc tái đầu tư kĩ năng (thao tác 1) - tiếp cận, chuẩn bị khám phá bài mới (nhiệm vụ 1).

- *Giai đoạn 2 - Khám phá bài mới*: GV đặt HS vào tình huống có vấn đề, tổ chức quan sát “thông tin” bài mới (hoạt động 2). HS hình thành các giả thiết (thao tác 2.1), chứng minh đưa ra các đáp án (thao tác 2.2) – nhận biết thông tin (nhiệm vụ 2).

- *Giai đoạn 3 - Khắc sâu kiến thức*: GV chốt lại thông tin đã xử lí, hướng dẫn HS tìm ra quy tắc

¹ PIOT Thierry, *Quy trình tổng quát Công nghệ đào tạo (Démarche générale d'ingénierie de formation)*, Master professionnel Ingénierie de formation, Promotion 3, Session 1, 6-10 Octobre 2008, Hanoi.

² FORTIN, Claudette et ROUSSEAU, Robert. *Tâm lí học về nhận thức*, Báo chuyên ngành Đại học Québec, Đại học từ xa (Psychologie cognitive, Presses de l'université du Québec, Télé-Université).

³ BLOOM, B, et al. (1969). *Phân loại các mục tiêu dạy học: lĩnh vực nhận thức*, (Taxonomie des objectifs pédagogiques: Domaine cognitif), traduit par M. Lavallée, Montréal, Éducation nouvelle.

⁴ MEF-ficev (2003), *Tài liệu đào tạo thanh tra giáo dục tại Việt Nam: Công cụ đào tạo* (Professionnalisation de l'inspection pédagogique au Vietnam: outils de formation, Ambassade de France en République Socialiste du Vietnam).

⁵ AMIGUES René, POUDOU Marie-Thérèse Zerbato, *Thực hành dạy học và đánh giá ở trường phổ thông*, (Les pratiques scolaires d'apprentissage et d'évaluation), Savoir enseigner, (1996) DUNOD-Paris.

(hoạt động 3) – HS đưa ra đáp án (thao tác 3.1), GV điều chỉnh, giới thiệu đáp án đúng (quy tắc/công thức); lập biểu/bảng tóm tắt + HS hiểu, ghi chép (thao tác 3.2) (Khái niệm hóa kiến thức) - ghi nhớ, lưu trữ kiến thức (nhiệm vụ 3).

- *Giai đoạn 4 - Thực hành khái niệm* : GV tổ chức làm các bài tập tái hiện kiến thức mới, chứng minh, vận dụng thực hành trong sách giáo khoa (hoạt động 4) – HS làm cá nhân (thao tác 4.1) ; trao đổi, làm bài chung theo nhóm/ tổ (thao tác 4.2) - củng cố khái niệm (nhiệm vụ 4).

- *Giai đoạn 5 - Củng cố* : GV tổ chức thực hành mở rộng với các bài tập nâng cao ứng dụng nhiều khái niệm, kĩ năng đã biết (hoạt động 5) – HS huy động các khái niệm, kĩ năng (thao tác 5.1); sử dụng chúng để phân tích/tổng hợp làm các bài tập dưới hình thức cá nhân, nhóm hoặc tổ (Đặc thù hoá) (thao tác 5.2) – tự hình thành các kĩ năng thực hành bậc cao (nhiệm vụ 5).

- *Giai đoạn 6 - Hướng dẫn về nhà* : GV hướng dẫn thực hành nâng cao ngoài lớp (có thể làm lại các bài tập ở bước 5 hoặc ra bài tập mới tương tự); yêu cầu ôn lại các khái niệm cũ sẽ dùng lại ở tiết sau (hoạt động 6) – HS thực hiện các yêu cầu ở nhà (thao tác 6) – tái sử dụng các khái niệm cũ, chuẩn bị tiếp cận bài học tiếp theo (nhiệm vụ 6).

Sau khi kết thúc mỗi bài/chương, GV thường tổ chức *tiết ôn tập* để tổng kết, hệ thống hóa các kiến thức đã học trong bài/chương đồng thời yêu cầu HS *vận dụng tổng hợp các kĩ năng chuyên biệt* ở từng bài để làm các bài tập tổng hợp giúp HS luyện tập các *kĩ năng chuyên ngành*, chuẩn bị cho bài kiểm tra một tiết hoặc học kì. Bên cạnh đó, ngoài các giờ học riêng biệt từng môn, hiện nay nhà trường cần tổ chức cho HS thực hiện các *đề tài nghiên cứu thực hành* nhỏ liên quan đến nhiều kiến thức, kĩ năng đa ngành và kĩ năng sống để *hình thành tư duy, rèn luyện năng lực sáng tạo* giúp các em có khả năng tự tạo ra các sản phẩm trí tuệ của chính mình. Trong phạm vi một tiết/bài học, mục tiêu này không thể thực hiện được. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, GV cũng cần yêu cầu HS vận dụng các kĩ năng đa ngành khác để phục vụ bài học (như giữa các môn Toán+Lí+Hóa; Ngữ văn + Ngoại ngữ ; Sử + Địa, v.v...).

Ngoài ra, để giờ học đạt được hiệu quả cao, bên cạnh việc tuân thủ nội dung bài dạy, quy trình lên lớp, GV cần phải chú trọng đến *phương pháp và phương tiện dạy học thích hợp* với nội dung, loại hình bài dạy cũng như đối tượng HS và tình hình thực tế lớp học. Cần lưu ý rằng quan điểm “ Dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng” hiện nay chủ yếu được xây dựng theo quan niệm của *trường phái*

nhấn mạnh đến khía cạnh xã hội (công dân hiện đại), *đề cao vai trò của người học* (chủ động, sáng tạo), *tập trung vào hoạt động học tập* (học qua hoạt động, thực hành). Vì vậy, mặc dù các nhà giáo dục hiện nay đề cao *phương pháp dạy học tích cực, tiếp cận sư phạm theo dự án* (trong đào tạo) và *theo mục tiêu* (trong đánh giá) nhưng họ vẫn khuyến khích GV tận dụng thế mạnh của nhiều phương pháp khác, thích ứng theo nội dung, đối tượng, điều kiện và hoàn cảnh dạy học. Vì thế, để nhà trường thích ứng với những đòi hỏi của xã hội “ kinh tế thị trường “ người ta đang hướng mục tiêu đào tạo nhà trường theo *mô hình “ cấu trúc-xã hội “* ⁽⁶⁾ với *phương thức đào tạo kĩ năng* ⁽⁷⁾ theo khung chuẩn kĩ năng và bộ tiêu chí kiểm định chất lượng bằng *phương pháp tích cực* với các *kĩ thuật dạy học theo dự án* ⁽⁸⁾, *dạy học điều chỉnh* ⁽⁹⁾ và *đa dạng hóa* ⁽¹⁰⁾ nhằm phát huy tính độc lập, tự chủ, năng lực sáng tạo của người học thông qua *quy trình tổ chức thao tác việc làm*. Việc nắm vững các phương pháp, quy trình và kĩ thuật dạy học trên chắc chắn sẽ là “ chìa khóa thành công “ trong dạy học.

Tuy nhiên, cũng cần chú ý đến *phương tiện dạy học* vì nó góp phần không nhỏ vào hiệu quả giờ dạy. Ngoài những công cụ truyền thống như trình bày bảng, chữ viết, hình ảnh, lời nói, ... ngày nay người ta đã đưa vào nhà trường nhiều phương tiện hiện đại như thiết bị nghe nhìn medias, công nghệ thông tin và cả e-learning để hỗ trợ GV trong khâu truyền đạt, tìm kiếm, cập nhật tư liệu và cả trong khâu tổ chức tự học của HS. Bên cạnh các phương tiện, người ta còn khai thác các *công cụ dạy học* như các *hình thức hợp tác* ⁽¹¹⁾ làm việc theo cặp đôi, nhóm, tổ dưới nhiều dạng thức khác nhau ; các *hoạt động kèm cặp, thi*

⁶ MEIRIEU P., (1990), *Mô hình (dạy học) và nhà sư phạm* (“Le modèle et la pédagogie”) -Le groupe familial no 129

⁷ PHILIPPE PERRENOUD , *Con đường dạy học theo kĩ năng, có phải chăng là câu trả lời cho thất bại ở trường phổ thông ?* (L'approche par compétences, une réponse à l'échec scolaire ?, Faculté de psychologie et des sciences de l'éducation, Université de Genève 2000.

⁸ *Dạy học theo dự án, tại sao ? và như thế nào ?* (La pédagogie de projet : pourquoi ? comment ?) http://www.francparler.org/dossiers/projets_introduction.htm

⁹ ASTOLFI, JEAN-PIERRE, *Lỗi, một công cụ để dạy học* (L'erreur, un outil pour enseigner) ESF éditeur, Issy-les-Moulineaux (Hauts-de-Seine) collection Pratiques et enjeux pédagogiques , numéro 8, Parution : août 2009

¹⁰ Dạy học đa dạng hóa (Différenciation pédagogique), http://www.enseignement.be/prof/espaces/fondam/instit/doc/peda/TFE_pedagogie_différenciee.doc

¹¹BUCHS, C., BUTERA, F., & MUGNY, G. (2004), *Sự độc lập nguồn lực giữa các học sinh, hoạt động tương tác và năng lực hợp tác học tập* (Resource in(ter)dependance, student interactions and performance in cooperative learning), *Educational Psychology*,24,291-341.